

Đông Nam Á là một trong những khu vực có chi tiêu cho vũ khí cao nhất trên toàn cầu trong thập kỷ qua. Tại sao các quốc gia Đông Nam Á lại vũ trang cho mình rộng rãi đến vậy? Trung Quốc có phải là nhân tố chính cho xu hướng này?



Đông Nam Á là một trong những khu vực có chi tiêu cho vũ khí cao nhất trên toàn cầu trong thập kỷ qua. Chi tiêu cho vũ khí trong khu vực này đã tăng trung bình gần 10% hàng năm kể từ năm 2009. Các quốc gia trong khu vực này đã và đang mua các vũ khí mới, trong đó có các vũ khí tiên công có độ chính xác cao, vũ khí tầm xa cho hải quân và không quân, vũ khí tàng hình, công trình và có thể triển khai ở nơi xa; các mạng lưới do thám, máy tính, liên lạc và kiểm soát mới – đây là chưa nói đến các máy bay phản lực chiến đấu, tàu chiến nổi và tàu ngầm mới.

Vậy tại sao các quốc gia Đông Nam Á lại vũ trang cho mình rộng rãi đến vậy? Nhiều người xác định hành vi của Trung Quốc là lý do chủ yếu dẫn tới làn sóng hiện đại hóa quân đội và gia tăng chi tiêu quốc phòng ở Đông Nam Á.

Mc dù rít ít ngời tin rằng các ncc này có th cân bng scc mnh quân s vđi Trung Quc theo kiou “n miing tr miing”, song viic mua ssm v khđ rđm rđ này khiin Trung Quc có th phđi tr mđt cái giá đđt hđn nđu ncc này quyđt đđnh tiđn hành mđt cuic chiđn, ví dđ nhđ đ vùng biđn tranh chđp.

Tuy nhiên, mđi đđe đđa tđ Trung Quc chđ là mđt phđn cđa câu chuyđn. Chúng ta không nên coi lđi nói bđ ngoài cđa các quan chđc trong khu vđc là thđc khi hđ ám chđ rđng viic chi tiêu cho vđ khđ là đđ đđi phó vđi sđ gia tđng scc mnh quân s cđa Trung Quc. Hđ có th chđ lđy sđ cđng thđng ngày càng tđng trong khu vđc đđ biđn minh cho các kđ hođch phát triđn quân đđi đđ đđđc xây đđng tđ trđđc. Ví dđ, quân đđi Indonesia mđi đđy đđ kêu gđi tđng cđđng lđc lđđng quân sđ xung quanh quđn đđo Natuna vđi lý do ngày càng có nhiđu cuic khđng hođng xđy ra trong vùng biđn cđa ncc này, mc dù các kđ hođch này đđ đđđc đđa ra tđ nhđng nđm 2000. Vđ lđi, khi xem xét nhđng lý do vđ công nghđ hay cđ cđu lđc lđđng quân sđ trong khu vđc, chúng ta mđi thđy Trung Quc không chđ là lý do duy nhđt đđn tđi viic hiđn đđi hóa quân đđi các ncc đđng Nam Á. Quy mô ngân sách quđc phòng hay các kđ hođch mua ssm công khai mđi đđy đđ che giđu nhđng vđn đđ cđ cđu mang tính dài hđn trong viic phát triđn nguđn nhân lđc và sđ lđ thuđc vào nhđp khđu công nghđ. Nói cách khác, chúng ta cđn đđt các kđ hođch mua ssm vđ khđ và phát triđn quân đđi mđi đđy cđa khu vđc đđng Nam Á trong mđt bđi cđnh rđng hđn.

Mđ gói ngân sách quđc phòng

Tđng ngân sách quđc phòng thđđng không phđi là mđt chđ sđ hđu ích cho viic đđo lđđng mc đđ nâng cao nđng lđc quđc phòng. Các lý do trong ncc, kinh tđ, hay lđch sđ có th đđnh hình quy mô ngân sách quđc phòng. Do đđ, viic tđng ngân sách quđc phòng chđa chđc đđ là mđt sđ phđn đđng đđi vđi mđi đđe đđa quân sđ tđ bên ngoài. Trong khu vđc đđng Nam Á, phđn lđn ngân sách quđc phòng đđđc phân bđ cho chi tiêu thđđng nhđt, đđc biđt cho quân nhân (nhđ tiđn lđđng, trđ cđp, đđo tđo và huđn luyđn) cđng nhđ các hođt đđng và chi phí bđo đđđng. Bđy ncc (Indonesia, Malaysia, Singapore, Philippines, Thailand, Myanmar và Viđt Nam) trung bình đđ dành gđn 80% ngân sách quđc phòng trong giai đđđn 2012-2016 cho chi tiêu thđđng nhđt (vào nđm 2021, con sđ này đđ báo sđ giđm xuđng chđ còn 75%). Các ncc này chi đđđi 20% tđng ngân sách quđc phòng trong giai đđđn này cho viic phát triđn nđng lđc mđi – ví dđ nhđ hođt đđng nghiđn cđu và phát triđn hay mua ssm vđ khđ. Đđđu này có nghđa là các ncc này trung bình chđ chi đđđi 1 tđ USD/nđm cho viic này.

Hơn nữa, mức chi tiêu cho quân nhân trên tổng ngân sách quốc phòng dường như không thay đổi nhiều trong vài thập kỷ qua. Do đó, người ta có thể lập luận rằng việc tổng ngân sách quốc phòng gần đây có thể do chi phí duy trì quân sự hiện nay tăng lên và để đảm bảo sự sẵn sàng chiến đấu, chứ không phải để phát triển các vũ khí và công nghệ mới. Sau cùng, do vai trò quan trọng của quân đội trong tiến trình lịch sử của các quốc gia Đông Nam Á nên chi tiêu cho quân nhân luôn chiếm một phần lớn trong tổng ngân sách quốc phòng.

Tuy nhiên, việc phát triển nguồn nhân lực của các quân đội trong khu vực - được đo bằng số tiến chi cho mỗi người lính - vẫn là một thách thức. Singapore, với một trong những quân đội nhỏ nhất trong khu vực này, vượt xa những nước khác về chi tiêu cho mỗi quân nhân. Trong khi đó, quân đội Việt Nam, Myanmar và Indonesia (3 quân đội lớn nhất trong khu vực) lại phân bổ ít nguồn lực nhất cho quân nhân (mức lương trung bình của quân nhân 3 nước này nằm ở mức thấp nhất trong khu vực). Điều này một phần là do những nước này phải trải qua chiến tranh trong lịch sử và phải giải quyết mối lo ngại về an ninh trong nước - những điều thường dẫn đến xu hướng là cần nhiều quân nhân hơn là có các vũ khí đắt tiền, sự đóng công nghệ cao.

Ngân sách quốc phòng đã và sẽ tiếp tục được phân bổ cho các chi tiêu thường nhật, chủ yếu cho quân nhân, và mức chi cho phát triển nguồn nhân lực vẫn tăng dần theo thời gian. Nếu việc chúng tôi Trung Quốc cần một lực lượng chuyên nghiệp, hiện đại gồm các quân nhân “chất lượng cao” sẽ đóng vũ khí công nghệ mới nhất, thì phần lớn các nước Đông Nam Á sẽ không đáp ứng được. Mặc dù xu thế mua sắm sự tiếp tục gia tăng, song giá trị mua thực vẫn tăng dần theo thời gian, với Indonesia hiện là 2,1 tỷ USD, Singapore là 1,9 tỷ USD, và Việt Nam là 1,2 tỷ USD. Những con số này thấp hơn khá nhiều so với số tiền mà Nhật Bản, Hàn Quốc, Hàn Quốc và nhất là Trung Quốc sẽ chi cho mua sắm vũ khí trong những năm tới (có thể lên tới hơn 100 tỷ USD vào năm 2024).

Câu chuyện lực lượng và các nhu cầu hoạt động

Kể từ khi nguyên nhân Chiến tranh Lạnh, phần lớn vũ khí nhập khẩu vào Đông Nam Á là để phục vụ một số kế hoạch quan trọng, đặc biệt là máy bay, tàu chiến, thiết bị cảm biến hay thiết bị phục vụ khám nông nghiệp, kiểm soát, thông tin liên lạc, máy tính, tình báo, giám sát và do thám (C4ISR) cũng như tên lửa. Việc tập trung nhập khẩu các vũ khí quan trọng này dường như là để nâng cao khả năng của hải quân và không quân. Sự thực là các lực lượng hải quân trong khu vực có một số câu hỏi

Lòng tin đối quân định trong vài thập kỷ qua, đặc biệt là Indonesia, Malaysia, Việt Nam và Singapore. Các quốc gia ven biển này lâu nay thường tập trung vào lực lượng tàu ngầm và vũ khí tên công đất. Mô hình này hiện phần lớn vẫn tồn tại, ngay cả khi Singapore, Malaysia và Việt Nam mới đây đã sở hữu tàu ngầm cùng với Indonesia (Thái Lan có thể cũng có). Việc mua sắm kinh hạm và tàu tuần tra mới đây dường như là để củng cố các cấu trúc lòng tin đã tồn tại, với tâm điểm là hải quân.

Tuy nhiên, những xu hướng này không nhất thiết phản ánh lo ngại về mối đe dọa lớn từ Trung Quốc trên biển. Có thể có 2 cách hiểu khác nhau về điều này. Thứ nhất, các cấu trúc lòng tin Đông Nam Á phản ánh những mối quan ngại về nhiều vấn đề, từ tranh chấp trên biển và xâm phạm lãnh hải cho tới chong cướp biển, buôn lậu và đánh bắt bất hợp pháp. Các quốc gia Đông Nam Á từ trước tới nay cũng nỗ lực theo kịp hay bắt kịp việc mua sắm vũ khí của các láng giềng của mình, đặc biệt cho hải quân. Thứ hai, khi chúng ta so sánh môi trường chiến lược phức tạp trong khu vực và lịch sử từ chức việc đảm bảo an ninh hàng hải của mình – nơi hải quân cạnh tranh với các lực lượng thực thi pháp luật trên biển trong các khác – không có gì đáng ngạc nhiên khi vũ khí của hải quân, thậm chí cả kinh hạm, lại thường được sở hữu để tuần tra và phục vụ các hoạt động đảm bảo an ninh hàng ngày chứ không phải cho các chiến dịch hải quân.

Đội mới kho vũ khí cũ

Ngân sách cũng được phân bổ để mua sắm bổ sung cho các vũ khí đã cũ kỹ. Việt Nam, Lào và Philippines dường như có kho vũ khí cũ kỹ nhất (tính trung bình có tuổi đời hơn 35 năm), trong đó nhiều máy bay và động cơ được nhập khẩu trong giai đoạn 1950-2016. Một số nước có thể có kho vũ khí mới hơn song nhu cầu hoạt động cấp thiết đã thôi thúc các nước này hiện đại hóa kho vũ khí của mình nhanh hơn những nước khác.

Do số lượng thu nhập vào nhập khẩu, quá trình hiện đại hóa quân đội vẫn phụ thuộc vào nhiều nhà cung cấp nước ngoài khá đa dạng. Điều này là do một nước có càng nhiều nhà cung cấp vũ khí nước ngoài thì nước đó càng có chi phí lớn hơn cho việc đào tạo huấn luyện, cũng như bảo dưỡng, sửa chữa và đội tu. Do khoản ngân sách quốc phòng phân bổ cho việc mua sắm và nghiên cứu phát triển vẫn đã nhỏ, nên việc cần bổ sung vốn thu nhập vào nước ngoài là điều khó khăn. Những vấn đề này dần dần số lượng thu nhập lâu dài vì khi các nước nhập khẩu những loại vũ khí đầu tiên, họ phải bỏ ra chi phí ban đầu cho các hệ thống phụ trợ tên kém và phức tạp. Chi phí này làm cho người ta không hào hứng với chuyển thay đổi nhà cung cấp – ít

nh̄t là đ̄i v̄i các v̄ khí ph̄c t̄p nh̄ máy bay chīu đ̄u – b̄i đ̄īu này s̄ d̄n t̄i vīc ph̄i thay đ̄i c̄ s̄ h̄ t̄ng ph̄ tr̄. Không có gì đáng ngạc nhiên khi s̄ l̄ng nhà cung c̄p v̄ khí cho m̄i n̄c Ôn̄ng Nam Á ḡn nh̄ không đ̄i k̄ t̄ nh̄ng n̄m 1950. Tính t̄ng c̄ng, có 55 nhà cung c̄p v̄ khí khác nhau cho 10 n̄c Ôn̄ng Nam Á giai đ̄ōn 1950-2015, tính trung bình m̄i n̄c có 19 nhà cung c̄p khác nhau, ít nh̄t là Lào v̄i 9 nhà cung c̄p và nhīu nh̄t là Indonesia v̄i 32 nhà cung c̄p. M̄t cách gīi thích khác là b̄i c̄nh Chīn tranh L̄nh l̄ng c̄c mà trong đó các qūc gia Ôn̄ng Nam Á b̄ “khoanh vùng” các nhà cung c̄p, nên các n̄c này ḡp nhīu khó kh̄n h̄n trong vīc chuȳn đ̄i nhà cung c̄p do ngân sách eo h̄p, chi phí cho c̄ s̄ h̄ t̄ng ph̄ tr̄ cao và s̄ l̄ thūc vào nh̄p kh̄u.

̄īu đó c̄ng góp ph̄n gīi thích t̄i sao ít n̄c chi ph̄i th̄ tr̄ng v̄ khí Ôn̄ng Nam Á trong th̄i gian qua, ngay c̄ khi m̄t s̄ n̄c đã b̄ sung thêm 1 hay 2 nhà cung c̄p m̄i, hay khi th̄ ph̄n c̄a m̄i nhà cung c̄p dao đ̄ng qua th̄i gian. M̄ v̄t xa b̄t c̄ nhà cung c̄p nào khi xét v̄ giá tr̄ nh̄p kh̄u, m̄c dù c̄ Trung Qūc và Liên Xô/Nga ḡp l̄i s̄ n̄m gī v̄ trí này. Sau Trung Qūc và Nga, các nhà cung c̄p Tây Âu n̄m th̄ ph̄n còn l̄i.

Vīc tīp t̄c l̄ thūc nh̄ v̄y là đ̄īu có th̄ d̄ đoán do vīc thay th̄ s̄ thīt b̄ quân s̄ và v̄ khí c̄ k̄ s̄ d̄ dàng đ̄c tīn hành v̄i giá c̄ d̄ ch̄u h̄n n̄u mua c̄a các nhà cung c̄p tr̄c đ̄y. S̄ l̄ thūc này l̄i gia t̄ng do ngân sách cho mua s̄m và nghiên c̄u phát trīn ̄ Ôn̄ng Nam Á (ngōi tr̄ Singapore) v̄n còn ít ̄i.

S̄ chi ph̄i c̄a n̄c ngoài c̄ng không đ̄ng đ̄u trong khu v̄c Ôn̄ng Nam Á. Ví d̄, Liên Xô/Nga và Trung Qūc đã là các nhà cung c̄p v̄ khí ch̄ ȳu ̄ m̄t vài n̄c nh̄ Vīt Nam. Trong khi đó, M̄ d̄ng nh̄ kīm soát ph̄n l̄n th̄ ph̄n ̄ Philippines và Singapore (m̄c dù đã l̄n l̄t gīm t̄ khōng 83% xūng còn 56% và t̄ 62% xūng còn 56%, trong sūt k̄ nguyên h̄u Chīn tranh L̄nh, theo s̄ līu c̄a Vīn nghiên c̄u hòa bình qūc t̄ Stockholm). Các nhà cung c̄p v̄ khí c̄a châu Âu d̄ng nh̄ đ̄c ̄a thích h̄n bên ngoài Vīt Nam v̄i th̄ ph̄n nh̄ h̄n.

K̄t lūn

Nh̄ng phân tích trên giúp chúng ta rút ra m̄t s̄ k̄t lūn. Th̄ nh̄t, ngân sách qūc phòng c̄a các n̄c Ôn̄ng Nam Á t̄ tr̄c t̄i nay ch̄ ȳu đ̄c dành cho chi tiêu hàng ngày, đ̄c bīt là chi tiêu cho quân nhân, ch̄ không ph̄i cho vīc phát

trien nng lcc moi. Mcc dù nhng v khí moi có th đn đn s xu t hi n, đc bi t trn bi n, song v n m m c h n ch v ch trong trng h p m t s ít ncc nh Singapore. Các ncc trong khu v c đng nh không xác đnh toàn b các chng trnh mua s m v khí hay các chi n lcc quân s c a h là nh m chng l i Trung Quoc. Thay vì v y, các ncc này thng ch u s c ép ph i đ p ng yêu c u ho t đng hàng ngày c a mình nh tu n tra trên bi n hay đ m b o an ninh biên gi i. H n n a, nhi u ncc v n nh p kh u v khí t Trung Quoc, nhà cung c p l n th ba c a khu v c này. Vì v y, có ít bng chng cho th y Ông Nam Á đang chu n b m t cách có h thng hay có kh nng cân bng v i Trung Quoc v m t quân s.

Th hai, do ph n ngân sách cho nghiên c u phát triển t trcc t i nay v n tng đoi th p nên các ncc Ông Nam Á đã và s ti p t c l thu c vào các nhà cung c p v khí ban đ u. Mcc dù th ph n c a moi nhà cung c p này thay đoi theo th i gian, song vì c các c s công nghi p quc phòng trong ncc không th ch t o ra th h v khí moi ph c t p đng ngh a v i vì c s l thu c vào nh p kh u v n s t n t i. Xu th này đcc cng c b i nhu c u ngày càng l n c a các quc gia trong khu v c ph i thay th s v khí c k nh m đ p ng các nhu c u ho t đng c p thi t hàng ngày.

Tóm l i, nhng k t lu n này không ám ch r ng khu v c Ông Nam Á không lo ng i trcc hành vi hung h ng c a Trung Quoc. Chúng ch đ n gi n cho th y moi lo ng i này đã không bi n thành ph n ng quân s. Ví d , các chng trnh h tr quân s t M có th đcc nh c t i nh m t s tr giúp thêm đ “chng l i Trung Quoc”, song không có bng chng rõ ràng cho th y chúng đ đ làm thay đoi cách tính toán c a Bc Kinh. Nh phân tích trong các ph n trên, các thách th c v c c u mà quân đoi các ncc Ông Nam Á đang đoi m t, t vì c phát triển ngu n nhân l c cho t i phân b ngân sách và s l thu c vào nh p kh u, là quá l n đoi v i b t k chng trnh h tr nào c a ncc ngoài. B t k k v ng nào r ng các quc gia Ông Nam Á s n sàng và có th cân bng v i Trung Quoc v quân s - và vì c này ch c n t i s giúp đ nh c a M hay c a các cng quc khác - c n đcc xem l i.

*Evan A. Laksmana, nhà nghiên c u lâu n m c a Trung tâm nghiên c u chi n lcc và quc t (CSIS) ở Jakarta, Indonesia. Bài vi t đcc đng trên [**Global Asia**](#), tr s Seoul, Hàn Quoc.*

Tr n Quang (gt)